

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA NGOẠI NGỮ
BỘ MÔN NGÔN NGỮ VÀ VĂN HÓA PHÁP



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

NGÀNH NGÔN NGỮ PHÁP

Cần Thơ, tháng 08 năm 2019

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NGÀNH NGÔN NGỮ PHÁP

I. Mô tả chương trình đào tạo

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Pháp được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Ngôn ngữ Pháp
Tên chương trình (tiếng Anh)	French Studies
Mã số ngành đào tạo	7220203
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân ngành Ngôn ngữ Pháp
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ qui định trong chương trình đào tạo (đạt 141 tín chỉ); điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên (theo thang điểm 4); - Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10); - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.
Vị trí việc làm	- Làm các công tác hướng dẫn viên du lịch, Phiên dịch-biên dịch tiếng Pháp, thư tín văn phòng, tiếp tân khách sạn, nhà hàng, ... cho các công ty, khách sạn và các dự án. - Làm các công tác đối ngoại, văn thư cho các cơ quan ngoại vụ (Sở Ngoại vụ, các phòng Đối ngoại...) các tỉnh, thành phố.

	- Làm biên tập viên, phát ngôn viên, cộng tác viên cho các cơ quan thông tấn báo chí, các đài phát thanh và truyền hình. - Giáo viên, giảng viên tiếng Pháp (trong các cơ sở giáo dục và trung tâm ngoại ngữ nếu đáp ứng yêu cầu về nghiệp vụ sư phạm).
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	- Có năng lực cập nhật kiến thức, tiếp tục nghiên cứu và học tập chuyên sâu, sáng tạo trong chuyên môn và trong công việc. - Nắm vững kiến thức, phương pháp và kỹ năng để tiếp tục học tập sau đại học đối với các chuyên ngành: Ngôn ngữ Pháp, Lý luận và Phương pháp dạy học tiếng Pháp, Văn hóa, văn chương Pháp... tại các cơ sở giáo dục đại học trong và ngoài nước.
Chương trình tham khảo khi xây dựng	- Luật Giáo dục đại học; Khung Trình độ quốc gia Việt Nam; Khung Năng lực ngoại ngữ Việt Nam; yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học (Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT); Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (Thông tư 03/2014/TT-BTTTT); Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học (Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT); Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo của AUN-QA (phiên bản 2015); - Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Pháp của Trường Đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội và Chương trình đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Pháp của trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế. Chương trình đào tạo cử nhân FLE (tiếng Pháp như ngoại ngữ) của trường Đại học Tours (Pháp) và trường Đại học Rouen (Pháp).
Thời gian cập nhật bản mô tả	08/2019

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo bậc đại học ngành Ngôn ngữ Pháp đào tạo cử nhân chuyên ngành tiếng Pháp có kiến thức chuyên môn toàn diện, có kỹ năng sử dụng ngôn ngữ thành thạo đáp ứng khung năng lực ngoại ngữ quốc gia, có kiến thức cơ bản về chính trị xã hội, pháp luật, công nghệ thông tin, giáo dục thể chất, an ninh quốc phòng, có phẩm chất chính trị, đạo đức đáp ứng được những yêu cầu hoàn thiện bản thân của người học, phục vụ phát triển kinh tế-xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Pháp trình độ đại học:

- Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn, kỹ năng và năng lực đáp ứng Khung trình độ quốc gia Việt Nam; năng lực tiếng Pháp đáp ứng Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam; đủ năng lực về kỹ năng ngôn ngữ để giao tiếp hiệu quả bằng tiếng Pháp trong môi trường đa văn hóa.
- Trang bị cho sinh viên trình độ lý luận chính trị, kiến thức quốc phòng - an ninh, năng lực

ngoại ngữ thứ hai và năng lực công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành.

- c. Rèn luyện sinh viên có tác phong chuyên nghiệp, có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng học tập suốt đời, nghiên cứu khoa học, khả năng thích ứng và làm việc trong môi trường đa văn hóa và bối cảnh toàn cầu hóa; có sức khỏe, đạo đức, ý thức công dân, trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội.
- d. Đào tạo sinh viên có năng lực làm việc trong các ngành nghề phù hợp với chuyên môn và các năng lực ngôn ngữ đã được đào tạo; có năng lực học tập sau đại học ngành Ngôn ngữ Pháp và các ngành có liên quan.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo Ngôn ngữ Pháp trình độ đại học, người học nắm vững các kiến thức, có những kỹ năng và thể hiện được mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân như sau:

3.1. Kiến thức

3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

- a. Nắm vững kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, khoa học xã hội và pháp luật; kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh; các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế-xã hội của Đảng và Nhà nước.
- b. Nắm vững và vận dụng được kiến thức ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm và các tiêu chí ngôn ngữ chung về ngôn ngữ tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).
- c. Có kiến thức công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng quy định của trình độ đào tạo.
- d. Kiến thức về Tiếng Việt, văn hóa Việt, logic học, và tâm lý học, kỹ năng mềm, làm nền tảng cho công tác tự học tập, phát triển phẩm chất và chuyên môn.

3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

- a. Nắm vững và vận dụng được kiến thức lý thuyết về ngữ pháp, từ vựng, ngữ âm và các tiêu chí ngôn ngữ chung về ngôn ngữ tiếng Pháp được quy định cho bậc 5 trong Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
- b. Am hiểu những kiến thức cơ bản về đất nước Pháp bao gồm các đặc điểm về con người, văn hóa, xã hội, kinh tế, và giáo dục Pháp.
- c. Rèn luyện và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Pháp ở tất cả các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết, giúp sinh viên tự tin, năng động và hoà nhập nhanh chóng trong môi trường quốc tế.
- d. Vận dụng vững kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát tiến trình học tập của bản thân, kiến thức về việc vận dụng các kiến thức cơ sở, chuyên sâu và kiến thức hỗ trợ trong tiến trình học tập và trong thực tiễn công việc; kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.

3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

- a. Vận dụng được những kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ và văn hóa Pháp.
- b. Nắm vững và vận dụng những cơ sở lý thuyết, kỹ thuật biên dịch, phiên dịch và ứng dụng hiệu quả những lý thuyết và kỹ thuật này vào thực tế công tác dịch thuật Việt-Pháp và

Pháp-Việt.

- c. Vận dụng từ vựng và giao tiếp hiệu quả tiếng Pháp trong các lĩnh vực chuyên ngành, đặc biệt trong các lĩnh vực hướng dẫn Du lịch, Nhà hàng-khách sạn, Thương Mại và Văn phòng.
- d. Nắm vững kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Pháp, nói trước công chúng, ứng xử xã hội và giải quyết vấn đề hiệu quả, soạn thảo hợp đồng, thư tín bằng tiếng Pháp.
- e. Nắm vững những cơ sở lý thuyết về nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực ngôn ngữ và khoa học xã hội và ứng dụng những cơ sở lý thuyết đó vào công tác nghiên cứu khoa học.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

Các kỹ năng nghề nghiệp:

- a. Sử dụng những kỹ năng ngôn ngữ tiếng Pháp tương đương bậc 5 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam một cách linh hoạt và hiệu quả phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn.
- b. Làm chủ kiến thức nghề nghiệp, vận dụng hợp lý các kiến thức đã học vào thực tiễn công việc. Biết phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp nhằm đáp ứng những yêu cầu mới.
- c. Phân tích và tổng hợp văn bản, ứng xử giao tiếp tốt và khả năng tự mở rộng kiến thức ngoại ngữ trong các lĩnh vực kinh tế, luật và y tế. Biết sử dụng công nghệ tiên tiến trong nghề nghiệp.

Khả năng tư duy và giải quyết vấn đề:

- d. Lập luận tư duy và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực hoạt động; có khả năng đưa ra giải pháp và đưa/viết đề xuất, kiến nghị.
- e. Phát triển tư duy logic khi tiếp cận và xử lý các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn và các vấn đề văn hóa - xã hội nói chung, phát triển kỹ năng tư duy phản biện.

3.2.2. Kỹ năng mềm

- a. Sử dụng những kỹ năng ngôn ngữ tiếng Anh tương đương bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ Việt Nam.
- b. Truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ hoặc hoạt động chuyên môn cụ thể hoặc phức tạp.
- c. Ứng dụng kỹ năng quản lý, hợp tác, giải quyết vấn đề, đàm phán, và dẫn dắt vào tiến trình học tập và làm việc.
- d. Giao tiếp trong môi trường làm việc và học tập đa văn hóa; kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.
- e. Ứng dụng các kỹ năng sử dụng máy tính, xử lý văn bản, sử dụng bảng tính, sử dụng trình chiếu, sử dụng Internet phục vụ các mục đích xã hội, học thuật và chuyên môn.

3.3. Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

- a. Hình thành ý thức kỷ luật và tác phong công nghiệp, phẩm chất chính trị đạo đức, ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân; tôn trọng và chấp hành sự phân công, điều động trong công việc của người quản lý; biết xem xét, tôn trọng và chấp nhận các quan điểm khác biệt.
- b. Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp của ngành nghề mình theo đuổi; thể hiện sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, sự thích nghi đối với sự thay đổi; có thái độ cầu tiến và vượt khó; có phương pháp tiếp cận và phong cách làm việc khoa học, chuyên nghiệp.
- c. Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi; tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện nhiệm vụ đã xác định.
- d. Vận dụng kiến thức và kỹ năng đã được đào tạo vào việc phân tích và giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn làm việc; lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo	Chuẩn đầu ra (2)																			
	Kiến thức (2.1)										Kỹ năng (2.2)									
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)					Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)					Kỹ năng cứng (2.2.1)				
	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e	a	b	c	d	e
1a						X					X									
1b						X	X													
1c					X						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
1d	X	X	X	X	X						X					X	X	X	X	X

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra

Học phần		Chuẩn đầu ra (2)																		
		Kiến thức (2.1)										Kỹ năng (2.2)								
		Khối kiến thức giáo dục đại cương (2.1.1)					Khối kiến thức cơ sở ngành (2.1.2)					Khối kiến thức chuyên ngành (2.1.3)					Kỹ năng cứng (2.2.1)			
		211a	211b	211c	211d	211e	212a	212b	212c	212d	212e	213a	213b	213c	213d	213e	221a	221b	221c	221d
1	QP010	X	X	X	X	X														
2	QP011	X	X	X	X	X														
3	QP012	X	X	X	X	X														
4	QP013	X	X	X	X	X														

II. Mô tả chương trình dạy học

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 7 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình dạy học ngành Ngôn ngữ Pháp được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa	: 141 tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục đại cương	: 39 tín chỉ (Bắt buộc: 34 tín chỉ; Tự chọn: 05 tín chỉ)
Khối kiến thức cơ sở ngành	: 42 tín chỉ (Bắt buộc: 42 tín chỉ; Tự chọn: 0 tín chỉ)
Khối kiến thức chuyên ngành	: 60 tín chỉ (Bắt buộc: 36 tín chỉ; Tự chọn: 24 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành Bố trí theo nhóm ngành Bố trí theo nhóm ngành Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8			
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16			
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56			
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	4	10 TC nhóm AV hoặc PV	60				I,II,III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	3		45		XH023		I,II,III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	3		45		XH024		I,II,III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60				
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45				
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45				
12	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II,III
13	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		TN033	I,II,III
14	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III
15	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III
16	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III
17	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III
18	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III
19	KL001	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III
20	XH012	Tiếng Việt thực hành	2		2	30				I,II,III
21	ML007	Logic học đại cương	2			30				I,II,III
22	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III
23	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I,II,III
24	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III
25	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20			I,II,III
26	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III
Cộng: 39 TC (Bắt buộc: 34 TC; Tự chọn: 05 TC)										
Khối kiến thức Cơ sở ngành										
27	TV201	Nghe nói 1 - PV	3	3		45				I,II
28	TV202	Nghe nói 2 - PV	3	3		45		TV201		I,II
29	TV203	Nghe nói 3 - PV	3	3		45		TV202		I,II
30	TV204	Nghe nói 4 - PV	3	3		45		TV203		I,II
31	TV205	Đọc hiểu 1 - PV	2	2		30				I,II
32	TV206	Đọc hiểu 2 - PV	2	2		30		TV205		I,II
33	TV207	Đọc hiểu 3 - PV	2	2		30		TV206		I,II
34	TV208	Đọc hiểu 4 - PV	2	2		30		TV207		I,II
35	TV209	Viết 1 - PV	2	2		30				I,II
36	TV210	Viết 2 - PV	2	2		30		TV209		I,II

37	TV211	Viết 3 - PV	2	2		30		TV210		I,II
38	FL261	Viết 4 - PV	2	2		30		TV211		I,II
39	TV213	Ngữ pháp 1 - PV	2	2		30				I,II
40	TV214	Ngữ pháp 2 - PV	2	2		30		TV213		I,II
41	TV215	Ngữ pháp 3 - PV	2	2		30		TV214		I,II
42	TV216	Ngữ pháp 4 - PV	2	2		30		TV215		I,II
43	TV217	Ngữ âm thực hành - PV	2	2		30				I,II
44	TV138	Từ vựng 1-PV	2	2		30				I,II
45	TV139	Từ vựng 2-PV	2	2		30		TV138		I,II
Cộng: 42 TC (Bắt buộc: 42 TC; Tự chọn: 0 TC)										
Khối kiến thức Chuyên ngành										
46	TV237	Sử dụng phương tiện truyền thông-PV	2	2		30		TV214		I,II
47	TV218	Văn hóa Pháp 1 - PV	2	2		30		TV207		I,II
48	TV219	Văn hóa Pháp 2 - PV	2	2		30		TV218		I,II
49	TV238	Diễn đạt nói theo tình huống	2	2		30		TV203		I,II
50	TV259	Kỹ năng DELF B1	3	3		45		TV216		I,II
51	TV220	Phương pháp nghiên cứu khoa học - PV	2	2		30		FL207		I,II
52	TV258	Thực tế ngoài trường - PV	3	3			90	≥ 80 TC		I,II
53	TV222	Biên dịch 1 - PV	2	2		30		TV208		I,II
54	TV223	Biên dịch 2 - PV	2	2		30		TV222		I,II
55	TV224	Phiên dịch 1 - PV	2	2		30		TV203		I,II
56	TV225	Phiên dịch 2 - PV	2	2		30		TV224		I,II
57	FL263	Viết nâng cao - PV	3	3		45		FL261		I,II
58	TV240	Hướng nghiệp chuyên môn - PV	2	2		30		TV207		I,II
59	TV227	Diễn đạt trước công chúng - PV	2	2		30		TV203		I,II
60	TV241	Kỹ năng DELF B2	3	3		45		TV216		I,II
61	TV230	Giao tiếp đa văn hóa - PV	2	2		30		TV218		I,II
62	TV244	Cơ sở Ngữ dụng và ứng dụng	2			30		TV216		I,II
63	TV228	Nghiên cứu từ vựng	2			30		TV139		I,II
64	TV245	Cú pháp học - PV	2			30		TV216		I,II
65	TV246	Tiếng Pháp Du lịch-khách sạn 1	2			30		TV203		I,II
66	TV247	Tiếng Pháp thương mại-kinh doanh 1	2			30		TV203		I,II
67	TV248	Tiếng Pháp hành chính văn phòng 1	2			30		TV203		I,II
68	TV249	Tiếng Pháp Du lịch-khách sạn 2	2			30		TV204		I,II
69	TV250	Tiếng Pháp thương mại-kinh doanh 2	2			30		TV204		I,II
70	TV251	Tiếng Pháp hành chính văn phòng 2	2			30		TV204		I,II
71	TV242	Phiên dịch 3 - PV	2			30		TV225		I,II
72	TV243	Phương pháp giảng dạy 1-PV	2			30		TV208		I,II
73	TV233	Tiểu luận tốt nghiệp - PV	4				120	≥ 105 TC		I,II
74	TV234	Luận văn tốt nghiệp - PV	10				300	≥ 105 TC		I,II
75	TV231	Các loại hình văn bản	2			30		FL261		I,II
76	TV252	Kỹ năng nghe-nói nâng cao-PV	2			30		TV204		I,II
77	TV253	Ngữ pháp nâng cao - PV	2			30		TV216		I,II
78	FL213	Giao tiếp qua phương tiện công nghệ thông tin	2			30		FL261		I,II
79	TV255	Kỹ thuật trình bày tài liệu khoa học	2			30		TV208		I,II
80	FL254	Tiếng Pháp lĩnh vực nhà hàng	2			30		TV204		I,II
81	TV260	Chuyên đề văn học Pháp	2			30		TV208		I,II
Cộng : 60 TC (Bắt buộc: 36 TC; Tự chọn : 24 TC)										
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 112 TC; Tự chọn: 29 TC)										

3. Kế hoạch dạy học

Học kỳ 1

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	QP010	Giáo dục quốc phòng – An ninh 1	2	
2	QP011	Giáo dục quốc phòng – An ninh 2	2	
3	QP012	Giáo dục quốc phòng – An ninh 3	2	
4	QP013	Giáo dục quốc phòng – An ninh 4	2	
5	TV201	Nghe nói 1 - PV	3	
6	TV213	Ngữ pháp 1 - PV	2	
		Tổng cộng	13 TC	

Học kỳ 2

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	TV202	Nghe nói 2 - PV	3	
2	TV214	Ngữ pháp 2 - PV	2	
3	TV205	Độc hiểu 1 - PV	2	
4	TV209	Viết 1 - PV	2	
5	TV217	Ngữ âm thực hành - PV	2	
6	TV138	Từ vựng 1-PV	2	
7	ML014	Triết học Mác-Lênin	3	
8	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	
		Tổng cộng	20 TC	

Học kỳ 3

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	TV203	Nghe nói 3	3	
2	TV215	Ngữ pháp 3	2	
3	TV210	Viết 2	2	
4	TV206	Độc hiểu 2	2	
5	TV139	Từ vựng 2	2	
6	ML016	Kinh tế Chính trị Mác-Lênin	2	
7	XH024	Anh văn căn bản 2	3	
8	TC100	Giáo dục thể chất 1 + 2 + 3	3	
		Tổng cộng	19 TC	

Học kỳ 4

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	TV204	Nghe nói 4	3	
2	TV216	Ngữ pháp 4	2	
3	TV211	Viết 3	2	
4	TV207	Độc hiểu 3	2	
5	TV237	Sử dụng phương tiện truyền thông	2	
6	XH025	Anh văn căn bản 3	3	
7	TN033	Tin học căn bản	1	
8	TN034	TT.Tin học căn bản	2	
9	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	
		Tổng cộng	19 TC	

Học kỳ 5

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	FL261	Viết 4	2	
2	TV208	Đọc hiểu 4	2	
3	TV218	Văn hóa Pháp 1	2	
4	TV222	Biên dịch 1	2	
5	TV224	Phiên dịch 1	2	
6	TV246	Tiếng Pháp Du lịch-KS 1	4	
	TV247	Tiếng Pháp thương mại-kinh doanh 1		
	TV248	Tiếng Pháp Văn phòng 1		
7	TV238	Diễn đạt nói theo tình huống	2	
8	ML019	Lịch sử Đảng CSVN	2	
		Tổng cộng	18 TC	

Học kỳ 6

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	ML006	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	
2	TV220	Phương pháp nghiên cứu khoa học- PV	2	
3	TV227	Diễn đạt trước công chúng	2	
4	FL263	Viết nâng cao	2	
5	TV223	Biên dịch 2	2	
6	TV225	Phiên dịch 2	2	
7	TV259	Kỹ năng DELF B1	3	
8	TV240	Hướng nghiệp chuyên môn-PV	2	
9	TV258	Thực tế ngoài trường	3	
		Tổng cộng	20 TC	

Học kỳ 7

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	TV244	Cơ sở Ngữ dụng và ứng dụng	4	
	TV228	Nghiên cứu từ vựng -PV		
	TV245	Cú pháp học-PV		
2	TV242	Phiên dịch 3-PV	2	
	TV243	Phương pháp giảng dạy 1-PV		
3	TV249	Tiếng Pháp Du lịch-KS 2	4	
	TV250	Tiếng Pháp thương mại-kinh doanh 2		
	TV251	Tiếng Pháp hành chính văn phòng 2		
4	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	
	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương		
	XH028	Xã hội học đại cương		
	XH011	Cơ sở văn hoá Việt Nam		
	KN001	Kỹ năng mềm		
	KN002	Đổi mới sáng tạo- khởi nghiệp		
5	TV219	Văn hóa Pháp 2	2	
6	KL001	Pháp luật đại cương	2	
		Tổng cộng	16 TC	

Học kỳ 8

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	TV260	Chuyên đề văn học Pháp	10	
	TV231	Các loại hình văn bản		
	TV252	Kỹ năng nghe-nói nâng cao-PV		
	TV253	Ngữ pháp nâng cao - PV		
	FL254	Tiếng Pháp lĩnh vực nhà hàng		
	TV255	Kỹ thuật trình bày tài liệu khoa học		
	FL213	Giao tiếp qua phương tiện CNTT		
	TV233	Tiểu luận tốt nghiệp – PV (4 TC)		
	TV234	Luận văn tốt nghiệp – PV (10TC)		
2	TV230	Giao tiếp đa văn hóa - PV	2	
3	TV241	Kỹ năng DELF B2	3	
		Tổng cộng	15 TC	
Tổng số tín chỉ tích lũy toàn khoá : 141 TC (BB: 112, Tự chọn: 29)				

- Tiểu luận tốt nghiệp (TV233): 4 TC + 6 TC các học phần tự chọn
- Luận văn tốt nghiệp (TV234): 10 TC

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP010	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Học phần này đề cập đến những lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Giới thiệu về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP011	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Giới thiệu những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng - an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, phòng chống chiến tranh công nghệ cao, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống dịch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, biển đảo, an ninh quốc gia, đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK và luyện tập bắn súng AK, những kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, các phương tiện chỉ huy để phục vụ cho nhiệm vụ học tập chiến thuật và chỉ huy chiến đấu; tính năng, tác dụng, cấu tạo, sử dụng, bảo quản các loại vũ khí bộ binh AK, CKC, RPĐ, RPK, B40, B41; đặc điểm tính năng, kỹ thuật sử dụng thuốc nổ; phòng chống vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học, vũ khí lửa; vết thương chiến tranh và phương pháp xử lý; luyện tập đội hình lớp, khối. Giới thiệu 3 môn quân sự phối hợp để sinh viên tham gia hội thao điển hình, thể thao quốc phòng.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	Học phần có 2 ĐVHT lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho sinh viên một số kỹ năng cơ bản thực hành bắn súng tiểu liên AK và luyện tập bắn súng AK bài 1b; huấn luyện những động tác cơ bản chiến thuật chiến đấu bộ binh: các tư thế vận động trên chiến trường, cách quan sát phát hiện mục tiêu, lợi dụng địa hình, địa vật, hành động của cá nhân trong công sự, ngoài công sự trong chiến đấu tiến công và phòng ngự. Nội dung gồm: Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK; từng người trong chiến đấu tiến công; từng người trong chiến đấu phòng ngự.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tượng trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng kí học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng kí vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học	Bộ môn Giáo dục Thể chất

				ngh: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng kí 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (V-step Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (V-step Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (V-step Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
9	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
10	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng 3 dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
11	ML014	Triết học Mác-Lênin	2	Học phần trình bày những nội dung cơ bản sau: - Chủ nghĩa duy vật biện chứng - Phép biện chứng duy vật - Chủ nghĩa duy vật lịch sử	Khoa Khoa học Chính trị
12	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Cung cấp cho sinh viên một cách tương đối hệ thống, có chọn lọc những kiến thức cơ bản của môn Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Trên cơ sở đó, hiểu được các quan điểm của Đảng về đường lối, chính sách kinh tế trong thời kỳ quá độ ở nước ta, góp phần xây dựng, củng cố lòng tin vào Đảng và chế độ	Khoa Khoa học Chính trị

				XHCN ở nước ta. Tiếp tục bồi dưỡng thế giới quan, phương pháp luận và tư duy kinh tế, bước đầu biết vận dụng kiến thức kinh tế chính trị vào việc phân tích các vấn đề kinh tế, xã hội và thực tiễn đất nước.	
13	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Cùng với các môn khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và các môn học khác giúp sinh viên có nhận thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	Khoa Khoa học Chính trị
14	ML019	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Nội dung học phần trình bày về đường lối của Đảng CSVN từ năm 1930 đến nay. Qua đó, cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975); Đường lối công nghiệp hóa; Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Đường lối xây dựng hệ thống chính trị; Đường lối xây dựng, phát triển nền văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; Đường lối đối ngoại.	Khoa Khoa học Chính trị
15	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Khoa học Chính trị
6	KL001	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành Bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	Khoa Luật
17	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4, rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
18	ML007	Logic học đại cương	2	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những	Khoa Khoa học Chính trị

				hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện. 7. Cấu trúc.	
19	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
20	XH011	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
21	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
22	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.	Phòng công tác sinh viên
23	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Học phần Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp (Startup) được xây dựng nhằm mục tiêu trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng chung nhất về khởi nghiệp, để có thể vận dụng vào trong thực tế, xây dựng các kế hoạch khởi nghiệp mà bản thân theo đuổi. Đồng thời giúp người học có những bước chuẩn bị về tư duy và kỹ năng cần thiết để chủ động trong quá trình khởi nghiệp. Học phần sẽ được giảng dạy theo triết lý lấy người học làm trung tâm, áp dụng các phương pháp học tập tích cực như học thông qua thực hành, học tập theo dự án (project-based learning), nghiên cứu tình huống,...	Phòng công tác sinh viên
24	TV201	Nghe nói 1 - PV	3	Học phần Nghe-nói 1 được thiết kế nhằm giúp sinh viên phát triển khả năng nghe nói các tình huống mô phỏng về tự giới thiệu, gia đình, sở thích, các hình thức giải trí và về thói quen trong cuộc sống hằng ngày... Sinh viên cũng sẽ được rèn luyện kỹ năng nghe thông qua các tình huống giao tiếp đơn giản của người bản xứ. Học phần này cũng nhằm giúp cho sinh viên có đủ kiến thức để có thể tham gia kỳ thi DELF A2 môn Nghe nói. Học phần Nghe-nói 1 được chia thành 3 nội dung lớn (phần 1 sẽ giới thiệu về cách làm quen và tự giới thiệu diễn ra trong cuộc sống hằng ngày; phần 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng nói về bản thân, về người khác; phần 3 sẽ trang bị cho sinh viên những kỹ năng nói về	Khoa Ngoại ngữ

				gải trí du lịch của người Pháp).	
25	TV202	Nghe nói 2 - PV	3	Học phần Nghe-nói 2 được thiết kế nhằm giúp sinh viên phát triển khả năng nghe nói các tình huống mô phỏng về hỏi thông tin (đi đường); mời và chấp nhận, từ chối lời mời; cho và nhận lời khuyên; diễn đạt ý kiến; kể kinh nghiệm nghề nghiệp..... Sinh viên cũng sẽ được rèn luyện kỹ năng nghe thông qua các tình huống giao tiếp đơn giản của người bản xứ. Học phần này cũng nhằm giúp cho sinh viên có đủ kiến thức để có thể tham gia kỳ thi DELF A2 môn Nghe nói. Học phần Nghe-nói 2 được chia thành 3 nội dung lớn (phần 1 sẽ giới thiệu các hành động lời nói về giao tiếp hàng ngày: hẹn đi chơi, mời, hỏi thăm tin tức; phần 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng nói về cho ý kiến, lập luận về sở thích yêu ghét, việc làm, dự định tương lai; phần 3 sẽ trang bị cho sinh viên những kỹ năng nói về lập kế hoạch, tổ chức sự kiện, việc làm).	Khoa Ngoại ngữ
26	TV203	Nghe nói 3 - PV	3	Học phần Nghe – Nói 3 giúp sinh viên giao tiếp một cách hiệu quả và lưu loát bằng tiếng Pháp. Các hoạt động nói được thực hiện thông qua các buổi thảo luận, tranh luận theo từng chủ đề và thông qua các hoạt động nhóm. Trong học phần này, sinh viên sẽ được rèn luyện các kiến thức về cách trình bày, thể hiện quan điểm trước một vấn đề nào đó, lập luận, giải thích ... Các bài luyện tập kỹ năng nghe có độ dài hơn và thiết thực hơn, chủ yếu được trích từ những kênh thông tin tiếng Pháp. Việc nghe nói cũng sẽ chú trọng đến các yếu tố văn hóa bản ngữ. Sinh viên cũng được hướng dẫn cách tự rèn luyện kỹ năng nghe nói một cách độc lập ở nhà. Học phần này nhằm giúp cho sinh viên có đủ kiến thức để có thể tham gia kỳ thi DELF B1 môn Nghe nói.	Khoa Ngoại ngữ
27	TV204	Nghe nói 4 - PV	3	Học phần Nghe – Nói tiếng Pháp 4 giúp sinh viên giao tiếp một cách hiệu quả và lưu loát bằng tiếng Pháp trong hầu hết các tình huống gặp phải trong cuộc sống thường nhật và trong công việc. Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu và thực hành các kiến thức và kỹ năng về cách thuyết trình một sơ đồ, biểu đồ, biểu bảng, qui trình....; về việc tham gia tranh luận về một chủ điểm nào đó hay đưa ra và bảo vệ một đề xuất cá nhân; đặc biệt là về cách thuyết trình trước công chúng và trao đổi với công chúng sau thuyết trình. Sinh viên cũng sẽ được luyện tập kỹ năng nghe những tài liệu thực là những chương trình tranh luận, hay diễn thuyết trên các đài phát thanh, truyền hình về các vấn đề nghề nghiệp, văn hóa và xã hội. Học phần này nhằm chuẩn bị cho sinh viên tiếp cận các kỳ thi tiếng Pháp trình độ B1 - B2.	Khoa Ngoại ngữ
28	TV205	Độc hiểu 1 - PV	2	Học phần Đọc hiểu tiếng Pháp 1 giúp sinh viên đọc hiểu hiệu quả các văn bản ngắn bằng tiếng Pháp về các chủ đề đơn giản, quen thuộc của cuộc sống thường ngày quanh mình. Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu và thực hành các từ vựng, cấu trúc câu thường được sử dụng khi viết về các chủ đề như giới thiệu thông tin cá nhân, gia đình, công việc, sở thích... của bản thân hay một người khác. Và quan trọng hơn hết là sinh viên được rèn luyện các kỹ thuật đọc cơ bản để nắm bắt nhanh nội dung một văn bản tiếng Pháp. Học phần này nhằm chuẩn bị cho sinh viên có đủ khả năng tiếp cận các văn bản bằng tiếng Pháp trình độ A1 - A2.	Khoa Ngoại ngữ
29	TV206	Độc hiểu 2 - PV	2	Trong học phần Đọc hiểu 2 này, sinh viên sẽ thực hành các bài khóa theo loại (genres) như thiệp mời, tin tức thời sự,	Khoa Ngoại ngữ

				thông báo, thư gia đình, chỉ đường... Sau khi học, sinh viên có khả năng đọc và hiểu những lá thư, những tấm thiệp mời, những thư điện tử gửi người quen nhằm hỏi thăm, trao đổi những vấn đề, những khó khăn gặp trong cuộc sống, chúc mừng, chia vui, chia buồn, cho lời khuyên.	
30	TV207	Đọc hiểu 3 - PV	2	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về bài khóa dài, có độ khó cao cũng như cách giải thích từ, tìm hiểu nghĩa của từ thông qua cách giải thích bằng tiếng Pháp.v.v.. Trên cơ sở các kiến thức này, học phần sẽ rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng để tự sửa lỗi sử dụng từ trong quá trình học tập.	Khoa Ngoại ngữ
31	TV208	Đọc hiểu 4- PV	2	Học phần này cung cấp bài đọc dài hơn so với các học phần trước, theo nhiều chủ đề khác nhau đang được quan tâm. Với lượng bài đọc có độ dài, độ khó hợp lý, các chủ đề đọc phản ánh các quan điểm khác nhau về khía cạnh văn hoá, xã hội, công nghệ, kỹ năng sống ... Bên cạnh đó, học phần này còn cung cấp các phương pháp tiếp cận văn bản thông qua việc nhận biết, phân tích các hiện tượng lặp lại (phénomènes de reprise) và vận dụng lý thuyết vào việc làm bài tập.	Khoa Ngoại ngữ
32	TV209	Viết 1 -PV	2	Sau khi quan sát các câu trong tài liệu của Giáo viên giới thiệu, sinh viên thảo luận để tìm ra qui tắc viết câu đơn và học được một số từ vựng thông dụng trong cuộc sống hàng ngày để có thể tự giới thiệu và hỏi thông tin. Sau học phần này, sinh viên sẽ giao tiếp viết được bằng tiếng Pháp trong những tình huống giao tiếp đơn giản trong cuộc sống hàng ngày.	Khoa Ngoại ngữ
33	TV210	Viết 2 -PV	2	Trong học phần Diễn đạt viết 2 này, sinh viên sẽ thực hành viết những đoạn văn đơn giản, từ những từ vựng thường sử dụng trong cuộc sống. Sau khi học, sinh viên có khả năng viết những lá thư, những tấm bưu thiếp, những thư điện tử gửi người quen nhằm hỏi thăm, trao đổi những vấn đề, những khó khăn gặp trong cuộc sống, chúc mừng, chia vui, chia buồn, cho lời khuyên.	Khoa Ngoại ngữ
34	TV211	Viết 3 -PV	2	Sinh viên sẽ thực hành viết dạng thư hành chính và viết văn kể chuyện, viết kịch bản.	Khoa Ngoại ngữ
35	FL261	Viết 4 -PV	2	Từ việc nắm rõ và hiểu cách sử dụng các loại thì khác nhau, tùy theo ngữ cảnh, tình huống, thời gian..., sinh viên có khả năng viết một bài văn dài (từ 60 dòng), trong đó biết sử dụng kết hợp các loại thì. Sau môn học, sinh viên có thể viết được một bài kể chuyện, bài báo, hay bài quảng cáo một địa danh, một sản phẩm và thực hành viết văn lập luận để trình bày, giải thích quan điểm của mình, bảo vệ quan điểm của mình. Cuối cùng, sinh viên có thể có khả năng làm cho bài viết của mình tạo được sự thu hút đối với người đọc bằng cách tổ chức bài viết có sự liên kết, mạch lạc, khúc chiết, bố cục chặt chẽ.	Khoa Ngoại ngữ
36	TV213	Ngữ pháp 1 - PV	2	Học phần Ngữ pháp 1 sẽ cung cấp cho Sinh viên các chủ điểm ngữ pháp tiếng pháp căn bản để áp dụng vào quá trình giao tiếp theo các chủ điểm giao tiếp cụ thể. Theo đó các nội dung trong học phần này giúp người học tự giới thiệu được bản thân : tên, tuổi, tình trạng gia đình, quốc tịch, sở thích, các thành viên trong gia đình...	Khoa Ngoại ngữ
37	TV214	Ngữ pháp	2	Học phần ngữ pháp 2 cung cấp cho người học những kiến	Khoa Ngoại

		2 - PV		thức về các bộ phận của câu (đại từ bỏ ngữ, trạng từ, đại từ quan hệ), cách chia động từ (điều kiện cách, thì quá khứ kép và quá khứ tiếp diễn), các mẫu câu (câu so sánh).	ngữ
38	TV215	Ngữ pháp 3 - PV	2	- Học phần ngữ pháp 3 sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về : + So sánh hơn và so sánh nhất + Các trạng từ và giới từ + Đại từ chỉ định và đại từ sở hữu + Đại từ thay thế EN/ Y và đại từ thay thế kép + Đại từ quan hệ đơn giản: Qui, que, dont, où + Chia động từ ở quá khứ và tương lai + Câu bị động để áp dụng vào quá trình giao tiếp theo các chủ điểm giao tiếp cụ thể.	Khoa Ngoại ngữ
39	TV216	Ngữ pháp 4 - PV	2	Môn học này bao gồm việc trình bày hệ thống các cấu trúc của câu phức. Xác định sự khác biệt giữa cấu trúc câu phức và cấu trúc câu đơn thông qua việc diễn đạt các loại ý tưởng trong những tình huống giao tiếp bằng tiếng Pháp bằng cách xác định những cấu trúc tiêu biểu cho từng loại ý tưởng, bao gồm các cách diễn đạt ý tưởng về : thời gian, nguyên nhân, hậu quả, mục đích, điều kiện v.v	Khoa Ngoại ngữ
40	TV217	Ngữ âm thực hành - PV	2	Học phần này giới thiệu cho sinh viên hệ thống ngữ âm tiếng Pháp cũng như phương pháp phiên âm quốc tế. Sau khi học, sinh viên có thể vận dụng kiến thức để nối âm, luyện âm đúng, có ngữ điệu, có thể phiên âm những từ đơn lẻ... để có thể học môn Nghe Nói tốt hơn và sẽ giao tiếp tiếng Pháp một cách thành công. Lớp học phần lớn là các giờ thực hành phát âm trên lớp theo sự hướng dẫn của giáo viên và người bản xứ.	Khoa Ngoại ngữ
41	TV138	Từ vựng 1-PV	2	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức về: - Từ và cấu tạo từ. Từ và đơn vị từ vựng. - Nghĩa, nét nghĩa, cơ cấu nghĩa, các phương thức chuyển nghĩa. - Phương pháp phân tích thành tố nghĩa của từ. - Các quan hệ ngữ nghĩa trong từ và trong từ vựng. - Các thành phần / lớp từ của từ vựng.	Khoa Ngoại ngữ
42	TV139	Từ vựng 2-PV	2	Học phần từ vựng 2 sẽ cung cấp cho sinh viên chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức về từ và cấu tạo từ, từ và đơn vị từ vựng, nghĩa, nét nghĩa, cơ cấu nghĩa, các phương thức chuyển nghĩa, phương pháp phân tích thành tố nghĩa của từ, các quan hệ ngữ nghĩa trong từ và trong từ vựng và các thành phần/lớp từ của từ vựng. Học phần từ vựng 2 được chia thành 3 nội dung lớn (phần 1 sẽ giới thiệu về các lớp từ trong từ vựng, phần 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về sự phát triển của từ vựng, phần 3 sẽ là phần thực hành làm bài tập và làm việc nhóm của sinh viên).	Khoa Ngoại ngữ
43	TV237	Sử dụng phương tiện truyền thông-PV	2	Các phương tiện truyền thông, đặc biệt là mạng Internet đã thực sự trở thành một phần thiết thực của cuộc sống. Nó được ứng dụng vào hầu hết các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, truyền thông... Môn học nhằm giúp sinh viên biết cách sử dụng các trang thiết bị công nghệ mới và khai thác các tư liệu nghe nhìn phục vụ cho lĩnh vực nghề nghiệp chuyên môn sau này.	Khoa Ngoại ngữ
44	TV218	Văn hóa Pháp 1 - PV	2	Học phần Văn hóa Pháp 1 cung cấp cho sinh viên chuyên Pháp ngữ những kiến thức về văn hoá-xã hội Pháp; đồng thời qua các hoạt động văn hoá đối chiếu (thảo luận, thuyết trình,	Khoa Ngoại ngữ

				xem phim...) giúp sinh viên so sánh, hiểu các giá trị của hai nền văn hoá Việt-Pháp. Môn học gồm 3 nội dung lớn: Phần mở đầu giới thiệu tóm tắt nước Pháp: địa lý và các vấn đề dân số. Phần 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đời sống xã hội Pháp, bao gồm hệ thống giáo dục, việc làm và đời sống gia đình. Phần 3 nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức về đời sống văn hóa Pháp (âm nhạc, điện ảnh, giải trí...)	
45	TV219	Văn hóa Pháp 2 - PV	2	Học phần Văn hóa Pháp 2 tiếp tục cung cấp cho sinh viên chuyên Pháp ngữ những kiến thức về văn hoá-xã hội Pháp về các mặt: cuộc sống thường nhật của người Pháp, về nền kinh tế Pháp và những vấn đề đặt ra, về các lễ hội truyền thống, về cộng đồng các nước nói tiếng Pháp; đồng thời qua các hoạt động văn hoá đối chiếu (thảo luận, thuyết trình, xem phim...) giúp sinh viên so sánh, hiểu các giá trị của hai nền văn hoá Việt-Pháp.	Khoa Ngoại ngữ
46	TV238	Diễn đạt nói theo tình huống	2	Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp bằng tiếng Pháp trong những tình huống khác nhau, diễn đạt ý tưởng của mình một cách mạch lạc, điều chỉnh cấp độ ngôn ngữ thích nghi với môi trường giao tiếp chung quanh	Khoa Ngoại ngữ
47	TV259	Kỹ năng DELF B1	3	Nội dung ở học phần này giúp sinh viên hoàn thiện và nâng cao các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết đã được học trong các học kỳ trước để chuẩn bị cho kỳ thi lấy chứng chỉ tiếng Pháp theo chuẩn châu Âu trình độ DELF B1.	Khoa Ngoại ngữ
48	TV220	Phương pháp nghiên cứu khoa học - PV	2	Học phần này giúp sinh viên nắm được một số kiến thức cơ bản về các nguyên lý khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học, để làm tiền đề cho tư duy khoa học trong quá trình hoạt động nghề nghiệp sau này.	Khoa Ngoại ngữ
49	TV258	Thực tế ngoài trường - PV	3	Sinh viên được đi tham quan và học tập kinh nghiệm thực tế ở một số nơi ngoài trường. Thông qua chuyến đi tham quan và học tập kinh nghiệm thực tế ở một số nơi ngoài trường, sinh viên sẽ được học hỏi thêm kiến thức về văn hoá, lối sống, lịch sử, con người vv. Sinh viên cũng có cơ hội tiếp xúc với môi trường làm việc thực tế đối với một số công việc mà sinh viên có khả năng sẽ thực hiện trong tương lai như Hướng dẫn viên du lịch, Nhân viên văn phòng du lịch, Tiếp tân khách sạn, thông dịch viên.... Sinh viên sẽ được áp dụng những kiến thức về văn hoá, xã hội, văn chương, vận dụng những kỹ năng đã học ở trường đặc biệt là kỹ năng dịch thuật và giao tiếp vào những tình huống thực tế.	Khoa Ngoại ngữ
50	TV222	Biên dịch 1 - PV	2	Nội dung ở học phần này giúp sinh viên tìm hiểu các định nghĩa về biên dịch; phân biệt giữa biên và phiên dịch; củng cố các kiến thức về ngữ pháp, từ vựng, cú pháp và các kỹ năng đọc hiểu, diễn đạt viết trong tiếng Pháp lẫn tiếng Việt thông qua các bài tập nhập môn biên dịch như: nhận biết và sửa lỗi sai trong các bản dịch, tái cấu trúc bản dịch, dịch nội ngữ,... Ngoài ra, sinh viên sẽ được làm quen với các cách tra cứu từ điển, thông tin vì đây là một trong những kỹ năng cần thiết giúp người dịch nắm thông tin nhanh chóng. Cuối cùng, sinh viên sẽ thực hành dịch các văn bản hoàn chỉnh về một số lĩnh vực quen thuộc.	Khoa Ngoại ngữ
51	TV223	Biên dịch 2 - PV	2	Nội dung ở học phần này giúp sinh viên tìm hiểu sâu hơn các thủ thuật và những quy tắc trong biên dịch, thực hành các kỹ	Khoa Ngoại ngữ

				thuật xử lý trong dịch thuật mà sinh viên đã làm quen ở học phần Biên dịch 1. Mục đích của học phần là giúp sinh viên nhận thức được bản chất của công việc dịch thuật - là truyền đạt lại thông tin mà người dịch lĩnh hội được khi tiếp cận văn bản gốc, chứ không phải là chuyển ngữ một cách máy móc từ thứ tiếng này sang thứ tiếng khác - và biến nhận thức ấy thành những giải pháp cụ thể để giải quyết những vấn đề cơ bản nhất mà người dịch thường gặp phải.	
52	TV224	Phiên dịch 1 - PV	2	Học phần này nhằm giúp sinh viên thực tập kỹ năng chuyển ngữ lời nói, đặc biệt là từ tiếng Pháp sang tiếng Việt. Sinh viên sẽ được làm quen với những thủ thuật ngôn ngữ cũng như thủ thuật nghề nghiệp trong việc phiên dịch trực tiếp. Mục đích của học phần này là giới thiệu cơ sở lý thuyết và thực hành phiên dịch, hướng sinh viên làm quen với thực tế dịch từ tiếng Việt sang tiếng Pháp và ngược lại, để giúp sinh viên nâng cao kỹ năng ngôn ngữ và chuẩn bị cho tương lai nghề nghiệp sau này.	Khoa Ngoại ngữ
53	TV225	Phiên dịch 2 - PV	2	Học phần này nhằm nâng cao kỹ năng phiên dịch trong bối cảnh trang trọng như các cuộc họp, hội nghị và một số lĩnh vực chuyên ngành như du lịch, kinh doanh thương mại, y tế.... Các kỹ năng cần được phát triển cho sinh viên sẽ được lồng ghép với các chủ đề phổ biến và cần thiết, đồng thời chú trọng đến kỹ năng nói trước đám đông. Trọng tâm của học phần này là giới thiệu và giúp sinh viên làm quen và thực hành với các kỹ năng cần thiết của nghề phiên dịch cũng như các hoạt động phát triển các kỹ năng trên lớp và tự học tại nhà.	Khoa Ngoại ngữ
54	FL263	Viết nâng cao - PV	3	Học phần viết nâng cao sẽ cung cấp cho sinh viên chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức về cách viết mang tính hàn lâm như viết tóm tắt (résumé) và viết tổng hợp (synthèse) trong các tình huống đa dạng. Qua các tình huống này, sinh viên sẽ hiểu rõ hơn cách viết của một bài viết thông thường và một bài viết mang tính hàn lâm khoa học và sẽ có thể đa dạng hoá phong cách viết của mình. Học phần viết nâng cao được chia thành 3 nội dung lớn (phần 1 sẽ giới thiệu về cấu trúc và cách tổ chức một bài viết, phần 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng về phong cách viết mang tính hàn lâm, phần 3 sẽ là phần thực hành và làm việc nhóm của sinh viên).	Khoa Ngoại ngữ
55	TV240	Hướng nghiệp chuyên môn - PV	2	Học phần này sẽ trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cần thiết giúp sinh viên có khả năng thiết kế hồ sơ xin việc một cách chuyên nghiệp. Cụ thể sinh viên sẽ được hướng dẫn từng bước từ cách xây dựng một kế hoạch nghề nghiệp, cách viết đơn xin việc, cách giới thiệu bản thân trong sơ yếu lý lịch cá nhân. Ngoài ra, học phần còn rèn luyện một số kỹ năng giao tiếp trong phỏng vấn xin việc giúp sinh viên chinh phục các nhà tuyển dụng.	Khoa Ngoại ngữ
56	TV227	Diễn đạt trước công chúng - PV	2	Học phần Diễn đạt nói trước công chúng giúp người học lĩnh hội những kỹ năng căn bản để chuẩn bị và trình bày một bài nói chuyện trước công chúng một cách có hiệu quả, khả năng trình bày trôi chảy một chủ đề, khắc phục sự sợ hãi và rèn luyện sự tự tin để trình bày và bảo vệ 1 quan điểm bằng tiếng Pháp. Môn học rèn luyện cho sinh viên sử dụng khả năng nói chuyện lưu loát của mình trong nhiều lĩnh vực nghề nghiệp khác nhau liên quan đến việc xuất hiện trước công chúng. Môn học cũng rèn luyện khả năng hùng biện bằng tiếng Pháp.	Khoa Ngoại ngữ

57	TV241	Kỹ năng DELF B2	3	Nội dung ở học phần này giúp sinh viên hoàn thiện và nâng cao các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết đã được học trong các học kỳ trước để chuẩn bị cho kỳ thi lấy chứng chỉ tiếng Pháp theo chuẩn châu Âu trình độ DELF B2.	Khoa Ngoại ngữ
58	TV230	Giao tiếp đa văn hóa - PV	2	Học phần này cung cấp cách thức tiếp cận với nhiều nền văn hóa khác nhau, qua đó, rèn luyện cho sinh viên khả năng giao tiếp trong môi trường đa văn hóa, chú trọng đến yếu tố văn hoá bản xứ, những khác biệt văn hóa trong giao tiếp và vấn đề giao thoa văn hóa, mục đích giúp cho sinh viên dễ dàng hoà nhập với môi trường nghề nghiệp sau này, tránh bị những cú “sốc” văn hóa khi giao tiếp với đối tác thuộc nhiều quốc gia khác nhau.	Khoa Ngoại ngữ
59	TV244	Cơ sở Ngữ dụng và ứng dụng	2	Học phần này giúp sinh viên có được những kiến thức tối thiểu về ngữ dụng như một ngành nghiên cứu của ngôn ngữ học. Khi kết thúc môn học, sinh viên nắm được những khái niệm, những vấn đề cơ bản của ngành nghiên cứu này và xác định được vị trí của nó trong ngôn ngữ học.	Khoa Ngoại ngữ
60	TV228	Nghiên cứu từ vựng	2	Giới thiệu cho sinh viên các cách thức cấu tạo từ, thành ngữ, thuật ngữ trong tiếng Pháp. Sau khi học, sinh viên sẽ biết cách phân biệt các tiền tố, ngữ căn và hậu tố, phân biệt từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa, từ đồng âm, và các từ nguyên trong tiếng Pháp. Sinh viên có thể vận dụng kiến thức để đoán từ mà không cần tra từ điển, sử dụng đúng động từ, danh từ trong giao tiếp, trong bài viết, v.v.	Khoa Ngoại ngữ
61	TV245	Cú pháp học - PV	2	Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp học (định nghĩa, đối tượng, phương pháp nghiên cứu) và các bộ phận của nó (từ pháp học và cú pháp học). Môn học đồng thời cũng cung cấp những kiến thức cơ bản và bước đầu nâng cao về hệ thống ngữ pháp của ngôn ngữ liên quan đến cú pháp (ngữ đoạn và cấu trúc ngữ đoạn, câu và cấu trúc câu, các phương pháp phân tích cấu trúc câu). Ngoài ra, môn học cũng bước đầu cung cấp cho sinh viên một số thao tác, kỹ năng phân tích, nhận diện, miêu tả và so sánh các hiện tượng ngữ pháp của các ngôn ngữ.	Khoa Ngoại ngữ
62	TV246	Tiếng Pháp Du lịch-khách sạn I	2	Trong sự phát triển nhanh chóng của ngành Du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long thì môn học Tiếng Pháp Du lịch- khách sạn được chú trọng đưa vào học tập và nghiên cứu. Nhiệm vụ quan trọng của Tiếng Pháp Du lịch- khách sạn là giới thiệu những kiến thức cơ bản về ngành du lịch, đồng thời phát triển khả năng ngôn ngữ và kỹ năng xử lý tình huống du lịch cho người học, để từ đó ứng dụng vào công tác dịch thuật hoặc các công việc chuyên môn liên quan đến ngành du lịch. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về ngành du lịch được lồng vào các tình huống giao tiếp ứng dụng thực tế nhằm phát triển kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp của sinh viên gồm những vấn đề sau: đón và tiễn khách, thuyết minh tại điểm, giao tiếp với khách du lịch qua thư tín...	Khoa Ngoại ngữ
63	TV247	Tiếng Pháp thương mại-kinh doanh I	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu một số kiến thức cơ bản và từ vựng chuyên ngành trong các lĩnh vực liên quan đến kinh doanh thương mại, soạn thảo văn bản theo văn phong thương mại...	Khoa Ngoại ngữ
64	TV248	Tiếng Pháp hành	2	Học phần học này cung cấp từ vựng và rèn luyện cho người học những kỹ năng văn phòng như giao tiếp qua điện thoại,	Khoa Ngoại ngữ

		chánh văn phòng 1		thư tín, thư điện tử, dịch công văn từ Pháp sang Việt và ngược lại ... Tiếp theo, thông qua các bài học về công tác văn phòng như nhận và trả lời điện thoại, viết lại tin nhắn, trình bày và thảo luận một vấn đề, gặp gỡ, đón tiếp và trò chuyện với khách nước ngoài..., khi kết thúc học, phần sinh viên có thể tự tin sử dụng tiếng Pháp lưu loát trong các hoạt động văn phòng.	
65	TV249	Tiếng Pháp Du lịch-khách sạn 2	2	Học phần Tiếng Pháp Du lịch-khách sạn 2 sẽ cung cấp cho sinh viên chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức về các tình huống giao tiếp diễn ra trong khách sạn tại Pháp. Qua các tình huống này, sinh viên sẽ hiểu rõ hơn sự khác nhau về công việc tại khách sạn ở Pháp và Việt nam, đồng thời phát triển kỹ năng xử lý tình huống của sinh viên trong lĩnh vực này. Học phần Tiếng Pháp Du lịch-khách sạn 2 được chia thành 4 nội dung lớn (phần 1 sẽ giới thiệu về cơ cấu tổ chức của khách sạn, phần 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng đón tiếp khách tại khách sạn, phần 3 giới thiệu đến sinh viên những dịch vụ trong khách sạn và phần 4 sẽ giúp sinh viên làm quen với việc giải quyết những khiếu nại của khách lưu trú tại khách sạn).	Khoa Ngoại ngữ
66	TV250	Tiếng Pháp thương mại-kinh doanh 2	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được giới thiệu một số kiến thức cơ bản và từ vựng chuyên ngành trong các lĩnh vực liên quan đến kinh doanh thương mại, soạn thảo văn bản theo văn phong thương mại...	Khoa Ngoại ngữ
67	TV251	Tiếng Pháp hành chánh văn phòng 2	2	Học phần học này cung cấp từ vựng và rèn luyện cho người học những kỹ năng văn phòng như giao tiếp qua điện thoại, thư tín, thư điện tử, dịch công văn từ Pháp sang Việt và ngược lại ... Tiếp theo, thông qua các bài học về công tác văn phòng như nhận và trả lời điện thoại, viết lại tin nhắn, trình bày và thảo luận một vấn đề, gặp gỡ, đón tiếp và trò chuyện với khách nước ngoài..., khi kết thúc học, phần sinh viên có thể tự tin sử dụng tiếng Pháp lưu loát trong các hoạt động văn phòng.	Khoa Ngoại ngữ
68	TV242	Phiên dịch 3 - PV	2	Học phần này nhằm nâng cao kỹ năng phiên dịch trong bối cảnh trang trọng như các cuộc họp, hội nghị và một số lĩnh vực chuyên ngành như du lịch, kinh doanh thương mại, y tế.... Các kỹ năng cần được phát triển cho sinh viên sẽ được lồng ghép với các chủ đề phổ biến và cần thiết, đồng thời chú trọng đến kỹ năng nói trước đám đông. Trọng tâm của học phần này là giới thiệu và giúp sinh viên làm quen và thực hành với các kỹ năng cần thiết của nghề phiên dịch cũng như các hoạt động phát triển các kỹ năng trên lớp và tự học tại nhà.	Khoa Ngoại ngữ
69	TV243	Phương pháp giảng dạy 1-PV	2	Môn học Phương pháp giảng dạy 1 – Pháp văn giới thiệu sơ lược những phương pháp dạy tiếng Pháp khác nhau đã và đang được sử dụng và trang bị cho sinh viên chuyên ngành ngôn ngữ Pháp kiến thức về lý thuyết về giảng dạy ba mặt của ngôn ngữ như ngữ âm, từ vựng và ngữ pháp. Ngoài ra sinh viên cũng được hướng dẫn cách thiết kế nhiều kiểu bài tập khác nhau khi dạy ba lĩnh vực của ngôn ngữ này. Sau khi hoàn thành khóa học, sinh viên có thể biên soạn giáo án của một bài giảng và thực hiện thành thạo các bước và kỹ thuật giảng dạy theo giáo án đã biên soạn.	Khoa Ngoại ngữ
70	TV233	Tiểu luận		Mục đích của học phần này là giúp sinh viên thực hành	Khoa Ngoại ngữ

		tốt nghiệp - PV		nghiên cứu khoa học. Sinh viên sẽ được hướng dẫn nghiên cứu về một vấn đề mà mình quan tâm, để có thể viết thành một bài báo khoa học tương đối hoàn chỉnh (khoảng 15 trang A4).	ngữ
71	TV234	Luận văn tốt nghiệp - PV		Mục đích của học phần này là giúp sinh viên thực hành nghiên cứu khoa học. Sinh viên phải thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học có độ khó cao hơn mức Tiểu luận tốt nghiệp, dưới sự hướng dẫn của một Giảng viên có học vị Thạc sĩ trở lên. Sau khi hoàn thành công việc nghiên cứu, sinh viên phải viết báo cáo khoa học và bảo vệ kết quả khoa học trước Hội đồng chấm LVTN của Bộ môn.	Khoa Ngoại ngữ
72	TV231	Các loại hình văn bản		Học phần có các bài luyện kỹ năng đọc hiểu liên quan đến một số vấn đề và khoa học nhằm giúp học viên củng cố vốn từ vựng, ngữ pháp và kiến thức, kỹ năng ngôn ngữ đã học, đồng thời tăng cường vốn từ vựng dùng trong các loại hình văn bản. Người học được giới thiệu và rèn luyện kỹ năng để hiểu được văn phong, diễn ngôn, cấu trúc văn bản khoa học cũng như suy luận và hiểu được đúng các ý hàm ngôn, tư tưởng, thái độ, quan điểm của người viết trong các văn phong văn bản.	Khoa Ngoại ngữ
73	TV252	Kỹ năng nghe-nói nâng cao- PV		Học phần kỹ năng Nghe-nói nâng cao được thiết kế nhằm giúp sinh viên nâng cao khả năng nghe nói thông qua các buổi thuyết trình và các tình huống mô phỏng. Sinh viên cũng sẽ tiếp tục luyện kỹ năng nghe thông qua các kênh truyền thông đại chúng và trao đổi trực tiếp với người bản xứ. Học phần này cũng nhằm giúp cho sinh viên có đủ kiến thức để có thể tham gia kỳ thi DELF B2 môn Nghe nói. Học phần kỹ năng Nghe-nói nâng cao được chia thành 3 nội dung lớn (phần 1 sẽ giới thiệu về các sự kiện diễn ra trong cuộc sống hàng ngày, phần 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng về diễn đạt ý kiến và tình cảm trước một vấn đề nào đó, phần 3 sẽ trang bị cho sinh viên những kỹ năng về thương lượng, nắm bắt thông tin).	Khoa Ngoại ngữ
74	TV253	Ngữ pháp nâng cao - PV	2	Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức tổng quan về: - Ngữ pháp văn bản - Tính mạch lạc khúc chiết của văn bản - Giá trị của các thì trong tiếng Pháp - Giá trị của mạo từ	Khoa Ngoại ngữ
75	FL213	Giao tiếp qua phương tiện công nghệ thông tin	2	Học phần này nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp bằng tiếng Pháp thông qua các phương tiện công nghệ thông tin, chủ yếu là thư điện tử, điện thoại... diễn đạt ý tưởng của mình một cách mạch lạc, điều chỉnh cấp độ ngôn ngữ thích nghi với môi trường giao tiếp chung quanh.	Khoa Ngoại ngữ
76	TV255	Kỹ thuật trình bày tài liệu khoa học	4	Học phần kỹ thuật trình bày tài liệu khoa học sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách soạn thảo và trình bày một tài liệu khoa học hay một bài viết chuyên môn, nhất là cách thức trích dẫn, soạn đề mục tài liệu tham khảo... nhằm mục đích chuẩn bị cho sinh viên viết tốt tiểu luận và luận văn tốt nghiệp và sau này sinh viên có những bài viết chuyên môn đạt chất lượng cao. Học phần kỹ thuật trình bày tài liệu khoa học này được chia thành 4 nội dung lớn (phần 1 sẽ giới thiệu về tài liệu tham khảo và một số lỗi thường gặp, phần 2 nhằm hướng dẫn cho sinh viên cách viết tài liệu tham khảo, phần 3 giới thiệu đến sinh viên cách trích dẫn các trang mạng đã tham khảo và phần 4 sẽ giúp sinh viên thực hành phần trình bày tài liệu tham khảo).	Khoa Ngoại ngữ

Phụ lục 1: ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

77	FL254	Tiếng Pháp lĩnh vực nhà hàng	10	Học phần tiếng Pháp lĩnh vực nhà hàng sẽ cung cấp cho sinh viên chuyên ngành tiếng Pháp những kiến thức chuyên về nhà hàng cũng như những dịch vụ kèm theo của nó. Đồng thời, sinh viên cũng học được những kỹ năng giải quyết các vấn đề phát sinh qua các tình huống giao tiếp trong nhà hàng tại Pháp. Qua các tình huống này, sinh viên sẽ hiểu rõ hơn sự khác nhau về công việc trong nhà hàng ở Pháp và Việt nam. Học phần tiếng Pháp lĩnh vực nhà hàng được chia thành 3 nội dung lớn (phần 1 sẽ giới thiệu tổng quan về nhà hàng và cơ cấu tổ chức của nó, phần 2 nhằm cung cấp cho sinh viên những kỹ năng đặt món ăn và giải quyết các vấn đề xảy ra trong nhà hàng, phần 3 giới thiệu đến sinh viên những đặc sản các vùng miền tại Pháp).	Khoa Ngoại ngữ
78	TV260	Chuyên đề văn học Pháp	2	Qua học phần này, sinh viên có thể cảm thụ và mở rộng kiến thức về Văn học Pháp thông qua các trích đoạn (tiểu thuyết hoặc thi ca Pháp), phát triển các kỹ năng ngôn ngữ thông qua việc đọc và phân tích các tác phẩm văn học, phát triển khả năng diễn giải và tư duy độc lập ...	Khoa Ngoại ngữ

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

- Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của môn học, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học thì có các hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học, giảng viên thường sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy và học đa dạng: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp dự án, phương pháp nghiên cứu tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi, tự học độc lập, ...

6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt quá trình đào tạo) và đánh giá định kỳ chia làm hai lần: đánh giá giữa kỳ và đánh giá cuối kỳ. Các phương pháp đánh giá bao gồm: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp, ...

Cần Thơ, ngày 29 tháng 8 năm 2019

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA



Trịnh Quốc Lập

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

(Handwritten signature)
Lữ Quốc Vinh